

Số: /KH-UBND

Cần Thơ, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án “Phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với đối tượng, địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035” trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Thực hiện Quyết định số 233/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với đối tượng, địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035” (sau đây gọi tắt là Đề án); Quyết định số 188/QĐ-BD TTG ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với đối tượng, địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035” (sau đây gọi tắt là Quyết định số 188/QĐ-BD TTG); Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với đối tượng, địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035” trên địa bàn thành phố, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 233/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (sau đây viết tắt là PBGDPL) và thi hành pháp luật bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật nhằm thay đổi nhận thức, xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số (sau đây viết tắt là DTTS) và người dân sinh sống tại vùng đồng bào DTTS; gắn công tác PBGDPL với các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện mục tiêu của Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

c) Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, sự tham gia rộng rãi, thực chất của người dân trong thi hành pháp luật, thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS.

Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các Đề án, Chương trình PBGDPL khác.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai thực hiện Đề án phải được tiến hành khẩn trương, đồng bộ, nghiêm túc, đảm bảo nội dung, nhiệm vụ, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và lồng ghép với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2021 - 2030;

b) Các sở, ngành, đơn vị liên quan được giao nhiệm vụ chủ trì hoặc phối hợp phải tích cực, chủ động triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng nội dung, tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh; tập trung thực hiện các giải pháp nhằm đạt được mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đổi mới toàn diện công tác PBGDPL để tạo đột phá về nhận thức, ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật và xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật; hình thành thói quen tự giác tìm hiểu pháp luật phù hợp với đặc thù của đồng bào dân tộc thiểu số, địa bàn vùng đồng bào DTTS; góp phần thực hiện thống nhất, đồng bộ, hiệu quả công tác dân tộc, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS; củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc và lòng tin của đồng bào với Đảng và Nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn I (từ năm 2026 đến năm 2030)

- Phối hợp xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ hạt nhân nòng cốt làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của địa phương (đảm bảo số lượng, chất lượng theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo);

- Hoàn thành xây dựng, ban hành chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ PBGDPL đặc thù phù hợp với đồng bào DTTS và địa bàn vùng đồng bào DTTS. Bảo đảm nội dung PBGDPL có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với đối tượng và đặc điểm của địa phương;

- Phân đầu số hóa 70% chương trình, tài liệu PBGDPL của Kế hoạch và công bố công khai trên Cổng thông tin PBGDPL thành phố, Cổng thông tin điện tử thành phố, mạng internet hoặc được xuất bản, phát hành bằng hình thức phù hợp;

- Phân đầu mỗi xã đặc biệt khó khăn có ít nhất 02 người làm công tác PBGDPL được bồi dưỡng theo bộ chương trình, tài liệu của Đề án để triển khai công tác PBGDPL trên địa bàn;

- Khoảng 50% người dân sinh sống ở vùng đồng bào DTTS; 60% người dân sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, địa bàn phức tạp về an ninh, trật tự; 70% người dân thuộc nhóm DTTS còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù được PBGDPL bằng hình thức phù

hợp. Trong đó, ít nhất 30% hoạt động PBGDPL được thực hiện bằng ngôn ngữ của các DTTS, 50% hoạt động PBGDPL được thực hiện thông qua môi trường số.

b) Giai đoạn II (từ năm 2031 đến năm 2035)

- Tiếp tục phối hợp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ hạt nhân nông cốt làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của địa phương (đảm bảo số lượng, chất lượng theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo);

- Phân đầu 100% chương trình, tài liệu PBGDPL đã ban hành được cập nhật, chỉnh lý hoặc ban hành mới;

- Phân đầu số hóa 100% chương trình, tài liệu PBGDPL và công bố công khai trên môi trường mạng hoặc được xuất bản, phát hành bằng hình thức phù hợp;

- Phân đầu mỗi xã thuộc vùng đồng bào DTTS có ít nhất 02 người tham gia công tác PBGDPL được bồi dưỡng theo bộ chương trình, tài liệu của Đề án để triển khai công tác PBGDPL trên địa bàn;

- Phân đầu 100% đội ngũ hạt nhân nông cốt, người làm công tác PBGDPL được bồi dưỡng, tập huấn, tiếp cận và sử dụng tài liệu PBGDPL bằng hình thức phù hợp;

- Khoảng 70% người dân sinh sống ở vùng đồng bào DTTS; 90% người dân sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới, địa bàn phức tạp về an ninh, trật tự; 90% người dân thuộc nhóm DTTS còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù được PBGDPL bằng hình thức phù hợp. Trong đó, ít nhất 50% hoạt động PBGDPL được thực hiện bằng ngôn ngữ của các DTTS; 80% hoạt động PBGDPL được thực hiện thông qua môi trường số;

- Phân đầu 100% Bí thư Chi bộ, Trưởng ban nhân dân khóm, ấp, khu vực; người có uy tín trong đồng bào DTTS; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp; chức sắc, chức việc tôn giáo, người đứng đầu các tổ chức tôn giáo được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ PBGDPL theo chương trình, tài liệu của Đề án.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi: Đề án được triển khai thực hiện tại vùng đồng bào DTTS, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, địa bàn phức tạp về an ninh, trật tự. Trong đó ưu tiên các ấp, xã đặc biệt khó khăn; địa bàn còn hủ tục, tập quán lạc hậu, nhận thức pháp luật của người dân còn hạn chế. Khuyến khích các địa phương khác triển khai thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào DTTS trên địa bàn.

2. Đối tượng: Đội ngũ hạt nhân nông cốt, người làm công tác phổ biến giáo dục pháp luật, người làm công tác dân tộc, tôn giáo tại địa phương; đồng bào DTTS, người dân sinh sống ở vùng đồng bào DTTS; ưu tiên đồng bào DTTS ít người; các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; người DTTS có đạo; học sinh; sinh viên học tập tại các cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn vùng đồng bào DTTS.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến hết năm 2035.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và trách nhiệm của người đứng đầu địa phương trong công tác PBGDPL

a) Tổ chức quán triệt, truyền thông, phổ biến các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án và kết quả triển khai thực hiện Đề án; tuyên truyền, phổ biến về vai trò, tầm quan trọng của công tác PBGDPL nói chung, PBGDPL cho đồng bào DTTS, vùng đồng DTTS nói riêng

- Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp; sở, ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên; Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Sản phẩm: Các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, cuộc họp, diễn đàn và hoạt động truyền thông;...
- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

b) Xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động của Đề án (kế hoạch riêng hoặc lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch có liên quan) và triển khai thực hiện

- Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo; sở, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Sản phẩm: Kế hoạch, báo cáo;
- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Kế hoạch phù hợp với đặc thù của địa phương

- Cơ quan chủ trì: Hội đồng Phối hợp PBGDPL thành phố;
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Sản phẩm: Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn;
- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

2. Xây dựng, phát triển và nâng cao năng lực cho đội ngũ hạt nhân nòng cốt làm công tác PBGDPL và đội ngũ làm công tác PBGDPL ở cấp tỉnh, cấp xã

a) Xây dựng đội ngũ hạt nhân nòng cốt làm công tác PBGDPL

- Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện nhiệm vụ phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo xây dựng đội ngũ hạt nhân nòng cốt làm công tác PBGDPL; lựa chọn cán bộ, công chức, người có trình độ, kiến thức, hiểu biết pháp luật, am hiểu phong tục tập quán, văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS, ưu tiên người có khả năng sử dụng ngôn ngữ DTTS là đội ngũ hạt nhân nòng cốt làm công tác PBGDPL;

- Cơ quan phối hợp: Sở, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường;

- Sản phẩm: Đội ngũ hạt nhân nông cốt làm công tác PBGDPL được xây dựng;

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030 và giai đoạn 2031 - 2035.

b) Xây dựng đội ngũ làm công tác PBGDPL thành phố

- Cơ quan chủ trì: Sở, ngành thành phố;

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân xã, phường;

- Sản phẩm: Đội ngũ làm công tác PBGDPL thành phố được xây dựng;

- Thời gian thực hiện:

- + Giai đoạn 2026 - 2030: Mỗi xã đặc biệt khó khăn có ít nhất 02 người làm công tác PBGDPL được bồi dưỡng theo bộ chương trình, tài liệu của Đề án để triển khai công tác PBGDPL trên địa bàn;

- + Giai đoạn 2031 - 2035: Mỗi xã thuộc vùng đồng bào DTTS có ít nhất 02 người tham gia công tác PBGDPL được bồi dưỡng theo bộ chương trình, tài liệu của Đề án để triển khai công tác PBGDPL trên địa bàn.

c) Rà soát, đề xuất sửa đổi các quy định về PBGDPL để huy động nguồn lực, thu hút sự tham gia của Bí thư Chi bộ, Trưởng ban nhân dân khóm, ấp, khu vực; người có uy tín trong đồng bào DTTS; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; chức sắc, chức việc tôn giáo, người đứng đầu các tổ chức tôn giáo trong công tác PBGDPL

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện khi có yêu cầu của Bộ Tư pháp;

- Cơ quan phối hợp: Sở Dân tộc và Tôn giáo; sở, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan;

- Sản phẩm: Quy định về PBGDPL được rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới;

- Thời gian thực hiện: Năm 2026, 2027.

d) Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn để tăng cường vai trò của người làm công tác PBGDPL

- Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Tư pháp, sở, ngành có liên quan;

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan;

- Sản phẩm: Các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn;

- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

đ) Ủy ban nhân dân thành phố quản lý, sử dụng, nâng cao năng lực cho đội ngũ hạt nhân nông cốt để triển khai công tác PBGDPL trên địa bàn; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS; kỹ năng, nghiệp vụ bồi dưỡng, tập chuyên biệt (kỹ năng ứng dụng công nghệ, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi

số, sử dụng AI, mạng xã hội trong PBGDPL,...) đối với đội ngũ người làm công tác PBGDPL; công chức, viên chức làm công tác dân tộc, tôn giáo cấp tỉnh, cấp xã được giao nhiệm vụ thực hiện công tác PBGDPL; Bí thư Chi bộ, Trưởng ban nhân dân ấp, khóm, khu vực, người có uy tín trong đồng bào DTTS, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ấp, khóm, khu vực; chức sắc, chức việc tôn giáo, người đứng đầu các tổ chức tôn giáo trên địa bàn

- Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, sở, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, các tổ chức có liên quan;
- Sản phẩm: Các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn;
- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

e) Huy động các lực lượng tham gia thực hiện Kế hoạch: Bí thư Chi bộ, Trưởng ban nhân dân khóm, ấp, khu vực; người có uy tín trong đồng bào DTTS; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ấp, khóm, khu vực; chức sắc, chức việc tôn giáo, người đứng đầu các tổ chức tôn giáo; lực lượng quân đội, công an, hòa giải viên cơ sở, trợ giúp viên pháp lý; nhà giáo giảng dạy môn học pháp luật trong các cơ sở đào tạo; luật sư, luật gia, chuyên gia pháp lý, doanh nghiệp, cá nhân.

- Cơ quan chủ trì: Sở, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường.
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan.
- Sản phẩm: Sự tham gia của các lực lượng trong thực hiện Kế hoạch.
- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

3. Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức PBGDPL

a) Xây dựng, số hóa chương trình, tài liệu, nội dung PBGDPL phù hợp với từng nhóm đối tượng

- Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo; Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp; sở, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Sản phẩm: Chương trình, tài liệu;
- Thời gian thực hiện: Năm 2026 - 2027 hoàn thành việc xây dựng chương trình, tài liệu.

b) Rà soát, cập nhật, bổ sung chương trình, tài liệu, nội dung PBGDPL

- Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo; Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp; sở, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Sản phẩm: Chương trình, tài liệu được cập nhật;
- Thời gian thực hiện: Từ năm 2028 đến năm 2035, hằng năm thực hiện số hoá, rà soát, cập nhật, bổ sung chương trình, tài liệu.

c) Xây dựng tiêu phẩm, phóng sự, câu chuyện giải quyết tình huống pháp luật

- Cơ quan chủ trì: Sở, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Sản phẩm: Tiểu phẩm, phóng sự, câu chuyện pháp luật;
- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

d) Dịch các quy định của pháp luật liên quan đến đồng bào DTTS sang tiếng dân tộc

- Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Sản phẩm: Dịch các quy định của pháp luật sang tiếng DTTS;
- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

đ) Rà soát tập quán lạc hậu, hủ tục trái với quy định của pháp luật

- Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Sản phẩm: Báo cáo kết quả rà soát;
- Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2028.

e) Tuyên truyền, vận động xóa bỏ cơ bản các tập quán lạc hậu, hủ tục trái với quy định của pháp luật

- Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Sản phẩm: Hội nghị, hội thảo, tọa đàm, cuộc tuyên truyền, phổ biến;
- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

g) Xây dựng, duy trì các mô hình PBGDPL tại cộng đồng

- Cơ quan chủ trì: Sở, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Sản phẩm: Các mô hình PBGDPL được xây dựng, duy trì;
- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

h) Tổ chức “Ngày Pháp luật Việt Nam”, thi tìm hiểu pháp luật, phiên tòa giả định, xét xử lưu động, hội nghị, hội thảo, diễn đàn giao lưu, đối thoại, trao đổi, chia sẻ về kỹ năng, nghiệp vụ, kinh nghiệm, hướng dẫn địa phương triển khai các hoạt động PBGDPL. Từ đó chọn lọc, nhân rộng những tác phẩm xuất sắc để công bố rộng rãi

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp, Sở Dân tộc và Tôn giáo, sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Cơ quan phối hợp: Sở, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Sản phẩm: Hội nghị, cuộc thi, phiên tòa, hội thảo, diễn đàn, đối thoại,...

- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

i) Xây dựng các phóng sự để phát thanh, truyền hình, truyền thông về PBGDPL phù hợp với nội dung của Kế hoạch

- Cơ quan chủ trì: Sở, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Sản phẩm: Phóng sự;
- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

k) Xây dựng và duy trì chuyên trang, chuyên mục hỏi đáp pháp luật trực tuyến về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS

- Cơ quan chủ trì: Sở, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Sản phẩm: Chuyên trang, chuyên mục;
- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

l) Thực hiện PBGDPL trên môi trường số như ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, chuyển đổi số, sử dụng các phần mềm chuyên dụng, mạng xã hội (Youtube, Facebook, Zalo, Twitter,...)

- Cơ quan chủ trì: Sở, ngành; Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Sản phẩm: Các hoạt động PBGDPL được thực hiện trên môi trường số;
- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

m) củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động thư viện điện tử, thư viện số, tủ sách điện tử phục vụ công tác PBGDPL của Kế hoạch

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ;
- Cơ quan phối hợp: Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Tư pháp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ủy ban nhân dân xã, phường, cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Sản phẩm: Thư viện điện tử, thư viện số, tủ sách điện tử được củng cố;
- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

n) PBGDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã, phường không thuộc vùng đồng bào DTTS

- Đơn vị chủ trì: Ủy ban nhân dân xã, phường không thuộc vùng đồng bào DTTS theo tình hình thực tế địa phương xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực thực hiện; xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ làm công tác PBGDPL trên địa bàn; xây dựng tài liệu và triển khai thực hiện các hoạt động PBGDPL cho đồng bào DTTS; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về Sở Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp theo quy định;

- Đơn vị phối hợp: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

- Sản phẩm: Kế hoạch, Báo cáo kết quả triển khai các hoạt động;
- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

4. Nâng cao năng lực triển khai, giám sát, đánh giá thực hiện Kế hoạch

a) Tổ chức đối thoại, hội nghị, hội thảo, tọa đàm và các hoạt động khác để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, mô hình, cách làm hay, hiệu quả.

- Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo; Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Sản phẩm: Hội nghị, hội thảo, tọa đàm;
- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

b) Kiểm tra, đánh giá việc triển khai, thực hiện Đề án

- Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Sản phẩm: Báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá;
- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

c) Tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án

- Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp; Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân liên quan;
- Sản phẩm: Báo cáo sơ kết, tổng kết;
- Thời gian thực hiện: Tổ chức sơ kết năm 2030; tổng kết năm 2035.

d) Tổ chức vinh danh, tuyên dương, khen thưởng các cá nhân, tổ chức có sáng kiến, thành tích xuất sắc, thực hiện tốt Đề án

- Cơ quan chủ trì: Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, các cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Sản phẩm: Vinh danh, tuyên dương, khen thưởng;
- Thời gian thực hiện: Tổ chức sơ kết năm 2030; tổng kết năm 2035.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo

a) Chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này; căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch và điều kiện, tình hình thực tế tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện hàng năm; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Dân tộc và Tôn giáo kết quả thực hiện;

b) Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.

2. Sở Tư pháp

Phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại Kế hoạch.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu về kinh phí thực hiện Đề án “Phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với đối tượng, địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035” trên địa bàn thành phố theo quy định.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở tăng cường công tác thông tin, truyền thông về nội dung, hoạt động, kết quả thực hiện Kế hoạch. Nghiên cứu, rà soát để có giải pháp giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ tập quán lạc hậu, hủ tục trái với quy định của pháp luật.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện PBGDPL trong các cơ sở giáo dục đào tạo và huy động đội ngũ nhà giáo giảng dạy môn học pháp luật tham gia PBGDPL cho học sinh, sinh viên.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp triển khai các hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số, lồng ghép vào nội dung PBGDPL của Kế hoạch.

7. Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thông tin, tuyên truyền về nội dung, hoạt động của Kế hoạch; thực hiện các nội dung của Kế hoạch thuộc chức năng, nhiệm vụ.

8. Sở, ngành có liên quan

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động ban hành kế hoạch thực hiện Đề án hoặc lồng ghép nội dung triển khai Đề án trong các chương trình, kế hoạch của cơ quan, đơn vị, đảm bảo phù hợp, hiệu quả, nhất là lồng ghép thực hiện với các chương trình, đề án về PBGDPL được giao chủ trì thực hiện;

b) Phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo trong việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Đề án; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện hàng năm, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án; gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch; phối hợp đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về vai trò, ý nghĩa của công tác PBGDPL đối với đồng bào DTTS, vùng đồng bào DTTS; vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu.

10. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố, Hội Luật gia thành phố, Đoàn Luật sư thành phố phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ hạt nhân, người làm công tác PBGDPL để làm đội ngũ nguồn triển khai nhân rộng tại địa phương.

11. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì, phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo, cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Kế hoạch này. Đối với các địa phương không thuộc vùng đồng bào DTTS theo tình hình thực tế địa phương xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực thực hiện; xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ làm công tác PBGDPL cho đồng bào DTTS;

b) Căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch và điều kiện thực tiễn để bố trí kinh phí thực hiện phù hợp;

c) Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch, gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao tại Kế hoạch này.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; tăng cường sử dụng nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình, đề án đã được phê duyệt và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện Kế hoạch.

2. Tài trợ, viện trợ quốc tế; huy động từ xã hội, cộng đồng và nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với đối tượng, địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035” trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp, đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Cục PBGDPL&TGPL, Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND TP;
- UBND TP và các đoàn thể TP;
- Sở, ban, ngành TP;
- Bộ CHQS TP, CA TP;
- TAND, VKSND TP;
- Đoàn Luật sư TP, Hội Luật gia TP;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình CT;
- UBND xã, phường;
- VP. UBND TP (2C, 3C);
- Lưu: VT, TT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khởi